| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN DẦU TIẾNG**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST<br>Ngày: 12-01-2021<br>V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Lê Thị Phương Dung;

2. Bà Nguyễn Ngọc Hiếu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 578/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Tuyết A, sinh năm 1991; HKTT: Ấp R, xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

*2. Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1993; HKTT: Ấp R, xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết A có ý kiến*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Tuyết A và ông Nguyễn Văn B chung sống với nhau từ năm 2012. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 22/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi cự lẫn nhau, giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc, trong cuộc sống gia đình thì ông B có hành vi bạo lực với bà A, ông B còn có người phụ nữ khác. Hiện nay, bà A thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông B.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống bà A và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 03/11/2013 và Nguyễn Hoàng Nhật N, sinh ngày 16/11/2018. Khi ly hôn, bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đồng thời yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con/ tháng) cho đến khi con chung đủ 18.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai ngày 24/11/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là ông Nguyễn Văn B có ý kiến:***

*Về quan hệ hôn nhân và con chung:* Ông B thống nhất ý kiến với bà A về quá trình tìm hiểu nhau và kết hôn. Hôn nhân giữa ông B và bà A là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 22/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống bà A và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 03/11/2013 và Nguyễn Hoàng Nhật N, sinh ngày 16/11/2018

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng ông B cho rằng đó chỉ là hiểu lầm. Việc ông B và bà A có xô sát với nhau là do ông B bị kích động bởi những lời nói của bà A. Ông B không đồng ý ly hôn vì ông B còn thương vợ con.

Do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ông B nộp đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét gồm:***

Đơn xin ly hôn ngày 10/11/2020; bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; bản sao giấy khai sinh Nguyễn Hoàng Nhật N và Nguyễn Ngọc Tường V; giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; bản tự khai; Đơn xin giải quyết vắng mặt của bà Nguyễn Thị Tuyết A; bản tự khai của ông Nguyễn Văn B ngày 24/11/2020; đơn xin giải quyết vắng mặt của ông B; biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi xem xét, thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 03/11/2013 và Nguyễn Hoàng Nhật N, sinh ngày 16/11/2018 và yêu cầu ông Nguyễn Văn B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con/tháng). Bị đơn là Nguyễn Văn B có nơi cư trú tại ấp R, xã Đ, huyện Dầu Tiếng nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con".

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau từ năm 2012. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, theo giấy đăng ký kết hôn số 41 ngày 22/8/2013. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Nguyên đơn xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không hàn gắn được. Nguyên đơn cũng không còn chung sống cùng bị đơn nên yêu cầu được giải quyết ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác…và lý do chính đáng khác. Nguyên đơn và bị đơn không

có thỏa thuận với nhau về việc mỗi người sống một nơi, nhưng cả hai đã không sống chung một thời gian dài. Quá trình làm việc, bị đơn xác định nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do nguyên đơn hiểu lầm việc bị đơn có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Mặc dù đã giải thích nhưng nguyên đơn không chấp nhận. Quá trình mâu thuẫn có dẫn đến việc nguyên đơn và bị đơn xô sát nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn của nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 03/11/2013 và Nguyễn Hoàng Nhật N, sinh ngày 16/11/2018. Khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Bị đơn không đồng ý lý hôn nên không yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Như đã nhận trên thì yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vấn đề con chung theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy các con chung đều đang sống cùng nguyên đơn trong thời gian không sống chung. Việc tiếp tục giao các con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng đảm bảo sự phát triển bình thường của các con chung. Cháu Nguyễn Ngọc Tường V có ý kiến được sống chung với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn. Cháu Nguyễn Hoàng Nhật N, sinh ngày 16//11/2018, tính đến ngày xét xử cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi. Căn cứ điều 81 Luật hôn nhân gia đình thì yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu về việc cấp dưỡng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn có công việc ổn định (tham gia công tác dân phòng của xã Đ có thu nhập 3.000.000 đồng/tháng) và công việc làm thêm (khai thác mủ cao su thuê không ổn định (giao động ở mức trên dưới 3.000.000 đồng/tháng). Việc chăm sóc nuôi dạy con là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ. Nguyên đơn trực tiếp nuôi con thì bị đơn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mức yêu cầu cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng/con chung mà nguyên đơn là phù hợp với mức chi tiêu trung bình cho trẻ, nên yêu cầu cấp dưỡng của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân; các Điều 9, 19, 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con của bà Nguyễn Thị Tuyết A đối với ông Nguyễn Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tuyết A được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Tuyết A được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 03/11/2013 và Nguyễn Hoàng Nhật N, sinh ngày 16/11/2018. .

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con  thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về cấp dưỡng nuôi con:

- Ông Nguyễn Văn B phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 03/11/2013 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn B phải cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Nguyễn Hoàng Nhật N, sinh ngày 16/11/2018 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo thỏa thuận, thì ông B còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Tuyết A không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

1. Án phí ly hôn: Bà Nguyễn Thị Tuyết A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số

AA/2016/0045335 ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Vũ Anh Tuấn**